TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;
2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 342/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: tổ 1, khu phố M, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương; có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1974; địa chỉ thường trú: tổ 1, khu phố M, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 11 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Kim T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T và ông Nguyễn Đình K tìm hiểu nhau được một thời gian thì cả hai tiến tới hôn nhân và tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán vào năm 1999. Đến năm 2002, thì mới đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) T, huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 37, Quyển số 01 ngày 25-4-2002. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng sinh sống tại tổ 1, khu phố Mỹ Hiệp, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Đời sống chung hạnh phúc, cùng nhau lo làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình. Tuy nhiên, đến đầu năm 2020 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng và tin tưởng nhau; không những vậy ông K thường có thái độ ghen tuông vô cớ và gây áp lực đến tư tưởng của bà T. Hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tính cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Tuy hiện tại vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm, chăm sóc nhau. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2020. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Đình N, sinh ngày 13-9-1999 và Nguyễn Trần Đình H, sinh ngày 05-6-2004. Hiện các con đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đình K đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông K không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân và Công an phường Thái Hoà, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, được cung cấp thông tin như sau: Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1974 đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ 1, khu phố Mỹ Hiệp, phường Thái Hoà, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Cho đến nay địa phương không nhận được tin báo hay đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng bà Trần Thị Kim T và ông Nguyễn Đình K nên địa phương không rõ vợ chồng bà T và ông K có mâu thuẫn như thế nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xác minh thu thập, hòa giải được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của người tham gia tố tụng, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên: Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Đình K; về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Đình N, sinh ngày 13-9-1999 và Nguyễn Trần Đình H, sinh ngày 05-6-2004. Hiện các con đã thành niên, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị Kim T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đình K. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh và quá trình giải quyết vụ án xác định, ông Nguyễn Đình K đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ tổ 1, khu phố Mỹ Hiệp, phường Thái Hoà, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Đình K được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T và ông Nguyễn Đình K chung sống với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Thái Hoà, huyện (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 37, Quyển số 01 ngày 25-4-2002. Theo quy định tại các điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Trần Thị Kim T xác định đời sống hôn nhân giữa bà và chồng là ông Nguyễn Đình K không còn hạnh phúc. Từ đầu năm 2020 cho đến nay, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm, vợ

chồng không tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau, ghen tuông vô cớ. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Cả hai đã đưa ra nhiều giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả nên bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông K.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông K vẫn không đến Tòa án, cho thấy ông K không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Về phía bà T, trong quá trình tố tụng xác định hoàn toàn không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống với ông K. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau giữa vợ và chồng nhưng quan hệ hôn nhân của bà T và ông K đã không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông K là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về việc nuôi dưỡng con chung: Bà Trần Thị Kim T và ông Nguyễn Đình K có 02 người con chung tên Nguyễn Trần Đình N, sinh ngày 13-9-1999 và Nguyễn Trần Đình H, sinh ngày 05-6-2004. Hiện tại các con đã thành niên, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim T về việc "Ly hôn" với bị đơn ông Nguyễn Đình K như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Đình K.

- *Về việc nuôi con chung:* Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Trần Đình N, sinh ngày 13-9-1999 và Nguyễn Trần Đình H, sinh ngày 05-6-2004. Hiện các con đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung và vay nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006556 ngày 07-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Thị Lê